

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Mìn,
huyện Quan Sơn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; số 22/2019/TTBXD ngày 31/12/2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 07 tháng 05 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn, đến năm 2030.

Căn cứ Báo cáo Thẩm định số 321/TĐ-KT&HT ngày 16/11/2021 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Quan Sơn về việc thẩm định Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Mường Mìn tại Tờ trình 50/TTr-UBND ngày 11/11/2021 về việc xin phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

a. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn đến năm 2030.

b. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch: Phạm vi không gian khu vực quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Mường Mìn với tổng diện tích 8.920,51 ha, ranh giới được xác định: Phía Bắc giáp xã Sơn Thủy, phía Nam tiếp giáp với tỉnh Hòa Phấn - Lào, phía Đông giáp xã Sơn Điện, phía Tây giáp xã Na Mèo.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

a) Mục tiêu:

- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông nghiệp, công nghiệp,....

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

b) Tính chất chức năng của xã

- Tính chất, chức năng: Là trung tâm hành chính cấp xã thuộc huyện Quan Sơn. Với các chức năng chính: Nông, lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ thương mại.

- Kinh tế chủ đạo của xã: Phát triển kinh tế theo hướng nông, lâm nghiệp, thương mại - dịch vụ là hướng chủ đạo.

3. Quy mô dân số và lao động

- Dân số hiện trạng 2020 là 2.822 người (số liệu niên giám thống kê huyện Quan Sơn).

- Đến năm 2025 là 3.180 người, tốc độ tăng dân số trung bình 1,0%/năm, tỷ lệ tăng cơ học khoảng 1,5%/năm (tương đương 211 người). Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 1.908 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp khoảng 70%.

- Đến năm 3030 là 3.645 người, tốc độ tăng dân số trung bình 0,90%/năm. tỷ lệ tăng cơ học khoảng 2%/năm (tương đương 318 người). Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 65% dân số toàn xã (khoảng 2368 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp khoảng 55%.

4. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt từ 13,5 % trở lên.
- Cơ cấu kinh tế:

+ Nông nghiệp:	40%
+ Công nghiệp - Xây dựng:	25%
+ Dịch vụ - Thương mại:	35%
- Thu nhập bình quân đầu đến năm 2025 đạt 45 triệu đồng/người, đến năm 2030 đạt 75 triệu đồng/người
 - Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2025: 50,0 (ha)
 - Sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm ở mức: 1.050 (tấn).
 - Diện tích gieo trồng lúa năm 2030: 100 ha,
 - Cải tạo, phục tráng rừng vầu, nứa, luồng và rừng nghèo kiệt, chú trọng các loại cây mang lại hiệu quả kinh tế cao phù hợp với từng loại đất.

5. Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Mìn đến năm 2030

5.1. Định hướng phát triển không gian

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo sinh động, hài hòa và đồng bộ với khu vực dân cư hiện hữu, phù hợp với hiện trạng, truyền thống địa phương và nhu cầu sử dụng khai thác về du lịch sau này.
- Tổ chức cảnh quan đảm bảo sự vận hành thuận lợi cho toàn khu vực và xây đồng bộ về cơ sở hạ tầng dựa trên các công trình hiện trạng.
- Phù hợp với cảnh quan thiên nhiên khu vực và tính chất của khu vực quy hoạch xung quanh; phù hợp với các quy định và quy chuẩn xây dựng hiện hành và Quy chế Quản lý quy hoạch.
- Phát triển không gian theo hai trục phát triển: 01 khu trung tâm; 01 cụm công nghiệp; 03 khu sản xuất nông nghiệp chính.
 - + Trục Đông - Tây: Trục kết nối giữa huyện Quan Sơn và huyện Viêng Xay, tỉnh Hòa Bình, nước CHDCND Lào thông qua tuyến Quốc lộ 217: phát triển các dịch vụ thương mại, du lịch và nông nghiệp sạch.
 - + Trục Nam - Bắc: Trục kết nối giữa các xã huyện Quan Hóa và Đồn biên phòng Mường Mìn thông qua tuyến Quốc lộ 16 và tuyến đường từ Quốc lộ 217 đi đồn biên phòng Mường Mìn, phát triển du lịch, dịch vụ - thương mại và nông nghiệp xanh.

5.2. Phân vùng phát triển kinh tế.

Toàn xã được chia thành 02 tiểu vùng phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (khu trung tâm xã): Đây là vùng phát triển công nghiệp, dịch vụ, kết sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Vị trí tại bản Bản Luốc Lầu, Bản Chiềng, Bản

Mìn, có hệ thống đường quốc lộ 217 và quốc lộ 16.

- Vùng 2 (khu vực còn lại trong xã): Đây là vùng phát triển sản xuất nông nghiệp, dịch vụ du lịch, vị trí tại bản Bản Yên, bản Bơn.

5.3. Phân khu chức năng

a) Khu trung tâm xã

- Không gian ở khu vực trung tâm xã được tổ chức đồng bộ từ chiều cao đến khoảng lùi và kiểu dáng kiến trúc vùng miền, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan khang trang, thống nhất, hài hòa với các công trình công cộng, dịch vụ của xã.

Khu trung tâm xã bao gồm các khối công trình như: Công sở UBND xã, THCS và THPT Quan Sơn, trường mầm non, trung tâm văn hóa thể thao xã, trụ sở công an xã, khu dân cư hiện trạng và quy hoạch mới và nhiều công trình công cộng khác, quy mô phát triển khoảng 10,4ha.

b) Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo khu dân cư

- Hiện trạng trên địa bàn xã có 5 bản, cần được chỉnh trang trên cơ sở khai thác hiện trạng một cách tối đa, hạn chế việc di chuyển, thay đổi không cần thiết.

- Để phục vụ nhu cầu về đất ở đáp ứng sự gia tăng dân số cần xây dựng thêm các khu dân cư mới có kết cấu hạ tầng đồng bộ, các điểm xen cư trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu; trên cơ sở đó theo các giai đoạn được xác định như sau:

+ Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025: Trong giai đoạn này bố trí một số điểm dân cư mới thuận lợi về giao thông với tổng diện tích khoảng 2,70 ha bao gồm đất phát triển khu dân cư mới ở tất cả các thôn.

+ Giai đoạn dài hạn sau năm 2025 đến 2030: Giai đoạn này không gian và hạ tầng đã tương đối ổn định, bố trí thêm 4,5 ha đất phát triển khu dân cư mới bao gồm tất cả các thôn.

c) Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

** Định hướng phát triển cụm công nghiệp, dịch vụ - thương mại:*

- Quy hoạch mới Cụm công nghiệp Mừng Mìn khu Piềng Bơn, bản Bơn diện tích 10,0 ha.

- Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh (xây dựng nhà máy nước) bản Luốc Lầu diện tích 2,0 ha.

- Mở rộng diện tích đất sản xuất, kinh doanh dọc tuyến đường Quốc lộ 217, bản Mìn diện tích 1,5 ha.

+ Quy hoạch khu thương mại - dịch vụ kết hợp chợ bản Luốc Lầu, diện tích 1,5 ha, khu thương mại - dịch vụ khu thể thao xã diện tích 0,3 ha,

+ Quy hoạch khu thương mại - dịch vụ dọc tuyến đường QL.217 diện tích

0,5 ha.

** Khu vực sản xuất nông nghiệp được phân là 3 vùng chính*

- Khu vực dọc quốc lộ 217 bao gồm bản Mìn, bản Chiềng, bản Luốc Lầu tập trung sản xuất lúa hữu cơ, tại khu ruộng Pom Dụng, diện tích khoảng 25 ha.

- Khu vực bản Bon tập trung phát triển trang trại, cây ăn quả và trồng lúa năng suất chất lượng cao, bao gồm:

+ Khu vực phát triển trang trại tổng hợp tại đồng Piềng Bống, bản Bon, diện tích 10 ha.

+ Khu vực phát triển cây ăn quả hữu cơ tại đồng Piềng Phạ, bản Bon, diện tích 7,0 ha.

+ Khu vực trồng lúa năng suất chất lượng cao tại khu vực dọc suối Lế và sông Luồng diện tích khoảng 13 ha.

- Khu vực bản Yên tập trung trồng lúa năng suất chất lượng cao, nuôi thủy sản nước lạnh, chăn nuôi gia súc.

+ Khu trồng lúa năng suất chất lượng cao tập trung dọc suối Yên, diện tích khoảng 15 ha.

+ Khu nuôi cá nước lạnh tại khu vực dọc suối Yên diện tích khoảng 2,0 ha.

d) Định hướng phát triển du lịch cộng đồng

- Điểm du lịch cộng đồng phát triển tại bản Bon xã Mường Mìn

- Các loại hình du lịch bao gồm: Du lịch cộng đồng gắn với du lịch văn hóa, khám phá thiên nhiên và kết hợp sự kiện.

- Các dịch vụ du lịch: Dịch vụ lưu trú tại nhà dân (homestay), dịch vụ ẩm thực, dịch vụ trình diễn văn hóa địa phương, dịch vụ thông tin, hướng dẫn tham quan, dịch vụ mua sắm.

- Đầu tư sửa chữa nhà cửa đạt chuẩn cho các hộ đón tiếp khách tại bản 15 hộ/bản.

5.4. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ trên địa bàn xã như sau:

T T	Tên công trình	Định hướng quy hoạch	Vị trí	Diện tích quy hoạch (m²)	Tổng diện tích đến 2030 (m²)	Định hướng không gian kiến trúc
I	Công trình khu trung tâm xã					
1	Công sở UBND xã	Giữ	Bản		2246	- Chính trang kiến trúc

		nguyên vị trí	Luốc Lầu			phù hợp với cảnh quan xung quanh
-	Nhà văn hóa xã	Giữ nguyên vị trí	Phía sau UBND xã		1600	- Chiều cao: 2-3 tầng - MĐXD: ≤ 45%
2	Bưu điện văn hoá xã	Giữ nguyên vị trí	Bản Chiềng		400	- Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh - Chiều cao: 1-2 tầng
3	Trạm y tế xã	Mở rộng	Bản Luốc Lầu	1200	1860	- Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh - Chiều cao: 2 - 3 tầng - MĐXD: ≤ 40%
4	Trường mầm non 1	Mở rộng	Bản Luốc Lầu	2000	4800	- Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan - Chiều cao: 2-3 tầng
	Trường mầm non 2	Mở rộng	Bản Yên		1.698	- MĐXD: ≤ 40%
5	Trường tiểu học 1	Giữ nguyên vị trí	Bản Chiềng		3.400	- Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
	Trường tiểu học 2	Mở rộng	Bản Yên	500	2500	- Chiều cao: 2-3 tầng - MĐXD: ≤ 40%
6	Trường THCS	Giữ nguyên vị trí và tách trường	Bản Luốc Lầu		12.100	- Xây dựng các khối công trình phù hợp với cảnh quan xung quanh - Chiều cao: 2-3 tầng
	Trường THPT				12000	- MĐXD: ≤ 40%
7	Trung tâm văn hóa, thể thao xã	Giữ nguyên vị trí	Bản Luốc Lầu		13.000	- Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh - Chiều cao: 1-3 tầng - MĐXD: ≤ 20%
8	Trụ sở công an xã	QH mới	Bản Luốc Lầu		1400	- Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh - Chiều cao: 2-3 tầng

						- MĐXD: ≤ 40%
9	Bia tường niêm các anh hình liệt sỹ	Giữ nguyên vị trí	Bản Luốc Lâu		600	- Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh - Chiều cao: 1-3 tầng - MĐXD: ≤ 40%
II	Công trình ngoài khu trung tâm					
1	Nhà văn hóa Bản Mìn	Giữ nguyên vị trí	Bản Mìn		675	Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan nông thôn - Chiều cao: 1-2 tầng - MĐXD: ≤ 40%
2	Nhà văn hóa Bản Yên	Mở rộng	Bản Yên	1500	2278	Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan nông thôn - Chiều cao: 1-2 tầng - MĐXD: ≤ 40%
3	Nhà văn hóa bản Luốc Lâu	Giữ nguyên vị trí	bản Luốc Lâu		350	San nền, xây dựng công trình phù hợp với cảnh quan nông thôn - MĐXD: ≤ 10%
4	Nhà văn hóa Bản Chiềng	Mở rộng	Bản Chiềng	1700	1350	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan nông thôn - Chiều cao: 1-2 tầng - MĐXD: ≤ 40%
5	Nhà văn hóa và sân thể thao bản Bon	Mở rộng	Bản Bon	800	3100	Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan nông thôn - Chiều cao: 1-2 tầng - MĐXD: ≤ 40%
6	Sân thể thao Bản Mìn	Giữ nguyên vị trí	bản Mìn		3000	Nâng cấp mặt sân, xây dựng hệ thống chiếu sáng, thoát nước mặt phù hợp cảnh quan nông thôn;
7	Sân thể thao Bản Yên	Mở rộng	Bản Yên	1200	2000	- MĐXD: ≤ 10%

5.5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.5.1. Hệ thống giao thông

+ Đường quốc lộ 217 chiều dài 9,0 km, đến năm 2030 nâng cấp đạt, mặt đường 9,0 m, hành lang bảo vệ, bảo trì $15 \times 2 = 30$ m, lộ giới 39 m. Đối với đoạn qua khu đô thị, chỉ tiêu xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD về đô thị, đảm bảo sự phù hợp cho giai đoạn phát triển.

+ Đường quốc lộ 16 chiều dài 3,9 km, quy hoạch đạt chuẩn đường cấp IV miền núi, mặt đường 7,5 m, hành lang bảo vệ, bảo trì $10 \times 2 = 20$ m, lộ giới 27,5 m. Đối với đoạn qua khu đô thị, chỉ tiêu xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD về đô thị, đảm bảo sự phù hợp cho giai đoạn phát triển

- Đường tỉnh lộ

+ Đồn biên phòng Mường Mìn đi đường tuần tra biên giới chiều dài 8,2km, quy hoạch đạt chuẩn đường cấp IV miền núi, kết cấu BTXM, mặt đường 7,5 m, hành lang bảo vệ, bảo trì $10 \times 2 = 20$ m, lộ giới 27,5 m.

+ Đường tuần tra biên giới chiều dài 18,5 km, quy hoạch đạt chuẩn đường cấp V miền núi, kết cấu BTXM, mặt đường 6,5 m, hành lang bảo vệ, bảo trì $5 \times 2 = 10$ m, lộ giới 16,5 m.

- Đường huyện lộ, đường liên xã

+ Đường giao thông nối QL 217 đi Đồn biên phòng Mường Mìn, chiều dài 8,0 km, quy hoạch đạt chuẩn đường cấp IV miền núi, mặt đường 7,5 m, hành lang bảo vệ, bảo trì $10 \times 2 = 20$ m, lộ giới 27,5 m.

+ Đường từ QL16 Bản Bơn xã Mường Mìn đi Bản Nhài xã Sơn Điện: chiều dài 3,5 km, (Nâng cấp, mở rộng 1,5 km, xây mới 2 km), mặt đường 4,5 m, nền đường 7,5 m.

** Đường đối nội*

- Đường trục thôn, liên thôn

+ Đường giao thông nối QL.217 bản Chiềng đi bản Luốc Lầu, chiều dài 2,1 km, (Nâng cấp, mở rộng 1,2 km, xây mới 0,9 km), mặt đường 5,5 m, nền đường 10,5 m.

+ Quy hoạch đường bản Luốc Lầu (đường vành đai khu trung tâm xã), chiều dài 1,5km, (Nâng cấp, mở rộng 0,4 km, xây mới 1,1 km), mặt đường 5,5 m, nền đường 10,5 m.

+ Quy hoạch mới đường vào khu dân cư mới bản Mìn chiều dài 0,5km, mặt đường 5,5 m, nền đường 10,5 m.

- Đường làng, ngõ xóm: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường làng, ngõ xóm trong khu dân cư mặt đường 3-4 m, nền đường 5-6 m, đảm bảo nhu cầu đi lại của các hộ dân.

5.5.2. Cấp điện

Năm 2020 hệ thống điện toàn xã có 8 trạm biến áp công suất máy biến áp trên 710 KVA, trong kỳ quy hoạch bố trí 1 trạm biến áp tại bản Luốc Lầu công suất thiết kế 180KVA.

- Tổng công suất thiết kế đến năm 2030 là 1.035 KVA.

- Đường dây cáp điện: Trong thời gian tới nâng cấp chất lượng đường dây điện đã xuống cấp, tiến tới cáp bọc hóa đường dây, kéo dài hệ thống đường dây cho khu dân cư mới.

- Hiện trạng khu dân cư các thôn trên địa bàn xã chưa có hệ thống chiếu sáng công cộng. Trong thời gian tới cần xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng.

5.5.3. Hạ tầng viễn thông thụ động

* Tổng đài, trạm phát sóng thông tin di động: Hiện trạng xã có 3 trạm phát sóng, dự kiến đến năm 2030 xây dựng thêm 2 trạm phát sóng thông tin di động.

Đến năm 2030 trên địa bàn xã thực hiện việc chuyển đổi các trạm phát sóng thông tin di động loại A2 hiện hữu sang loại A1 theo như quy hoạch Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Phân loại trạm phát sóng loại A1, A2 theo Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương).

* Hạ tầng mạng cáp viễn thông:

Xây dựng các tuyến cáp quang, được quy hoạch ngầm theo các tuyến đường giao thông.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông

5.5.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Dự kiến trong thời gian tới năm 2025 vẫn sử dụng nguồn nước từ các khe suối, từ mạch nước ngầm thông qua các giếng khơi, máy bơm được lọc sạch hợp vệ sinh theo quy định, đảm an toàn vệ sinh nguồn nước sinh hoạt.

- Đến năm 2030 xây dựng 1 nhà máy cung cấp nước tại khu vực bản Luốc Lầu, nguồn nước lấy từ sông Luồng công suất thiết kế đến năm 2030 là 1.100 m³/ngày đêm (theo quy hoạch vùng huyện đến năm 2045) nhằm cung cấp nước cho các xã lân cận.

- Các đường ống chính được bố trí trên vỉa hè các tuyến đường Quốc Lộ 217, Quốc Lộ 16 và các đường liên xã, để thuận tiện cho việc quản lý

- Các đường ống dẫn nước đến các hộ dân được bố trí trên vỉa hè trên các tuyến được trực thôn, ngõ xóm được kết nối với các ống đường trực chính

5.5.5. Thoát nước và vệ sinh môi trường

a) *Thoát nước mặt*: Hướng thoát nước tuân thủ theo hướng dốc san nền, toàn bộ lượng nước mưa trong khu vực nghiên cứu thoát ra khe suối trên chảy vào sông Luông. Hệ thống thoát nước có các đường cống rãnh đặt ở hai bên vỉa hè theo tuyến đường. Tất cả các thiết bị của hệ thống thoát nước đều làm bằng bê tông cốt thép, đối với khu trung tâm xã, hệ thống thoát nước làm bằng cống tròn BTCT, chôn ngầm dưới đường giao thông của khu.

b) *Thoát nước thải*

- Hệ thống thoát nước sinh hoạt dự kiến là hệ thống thoát nước chung, có xử lý nước thải tại nguồn phát sinh, theo các sơ đồ sau:

+ Các hộ dân không có điều kiện kinh tế: sử dụng xí 2 ngăn, ủ phân hợp vệ sinh.

+ Các hộ dân có điều kiện và khả năng kinh tế: xây dựng bể tự hoại hoặc bể biogas để xử lý phân, nước thải.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu công cộng, cụm công nghiệp phải xử lý theo quy định trước khi xả vào hệ thống thoát nước. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

- Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn sẽ được xử lý bằng bể bioga, tạo năng lượng để đun bếp, thắp sáng.

c) *Thu gom và xử lý chất thải rắn*.

Cần sử dụng các hình thức tổ hợp vườn, ao chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Hiện nay đã có doanh nghiệp thu gom vận chuyển rác về khu xử lý rác tập trung của huyện Quan Sơn. Xe thu gom rác cần có nắp đậy và kín đảm bảo không gây ô nhiễm.

5.5.6. Nghĩa trang nhân dân

Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

Về lâu dài các nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa, đồng thời chỉnh trang, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

Trong kỳ quy hoạch tập trung các nghĩa địa sau: Nghĩa trang bản Mìn, bản Yên, bản Bon.

5.6. Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Hệ thống giao thông nội đồng

- Đường trục chính nội đồng phục vụ sản xuất chính là các tuyến trục thôn, bản, đường làng ngõ xóm.

b. Hệ thống thủy lợi

Đến năm 2030, hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh đảm bảo tưới, tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích đất sản xuất và chuyên dịch cơ cấu sản xuất; đầu tư xây dựng các tuyến kênh mương trên địa bàn đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Hệ thống các đập, bai trên địa bàn xã chủ yếu là đất nền trong thời gian tới cần phải bê tông cốt thép các đập, bai trên địa bàn xã nhằm phục vụ nhu cầu cung cấp nước và đi lại của người dân trên địa bàn xã:

6. Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Quan Sơn và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

Danh mục nhu cầu sử dụng các loại đất đến năm 2030

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP		
1	Đất trồng cây lâu năm	9,57	2021 - 2025
2	Đất trồng rừng sản xuất	111,03	2021 - 2025
3	Đất nông nghiệp khác	10	2021 - 2030
II	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP, SẢN XUẤT KINH DOANH, THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ		
4	Cụm Công nghiệp Mường Mìn	10	2026 - 2030
5	Khu thương mại dịch vụ kết hợp chợ bản Luốc Lầu	1,5	2021 - 2025
6	Khu thương mại dịch vụ bản Luốc Lầu (bên cạnh sân thể thao)	0,3	2021 - 2025
7	Khu thương mại dịch vụ (đường QL 217)	0,5	2021 - 2025
8	Khu sản xuất kinh doanh	0,5	2026 - 2030
9	Khu sản xuất kinh doanh	1	2021 - 2025
III	ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, VĂN HÓA		

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
10	Mở rộng sân thể thao Bản Yên	0,15	2021 - 2025
11	Nhà Văn hoá Bản Bơn	0,13	2021 - 2025
12	Mở rộng nhà Văn hoá Bản Yên	0,12	2021 - 2025
13	Mở rộng nhà Văn hoá Bản Chiềng	0,07	2026 - 2030
14	Mở rộng đất y tế tại Bản Luốc Lầu	0,38	2021 - 2025
15	Mở rộng trường mầm non Mừng Mìn	0,35	2021 - 2025
16	Quy hoạch khu vui chơi giải trí tại Bản Luốc Lầu	0,5	2021 - 2025
17	Quy hoạch trụ sở Công an xã (sau nhà văn hóa xã)	0,14	2021 - 2025
18	Mở rộng trường tiểu học bản yên	0,05	2021 - 2025
19	Mở rộng trường mầm non bản yên	0,05	2021 - 2025
IV	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG		
20	Cải tạo, nâng cấp đường DT nối Quốc lộ 217 đi đôn Biên phòng Mừng Mìn, huyện Quan Sơn	1,2	2026 - 2030
21	Xây dựng đường giao thông Bản Luốc Lầu	1	2026 - 2030
22	Xây dựng đường giao thông Bản Luốc Lầu - Bản Chiềng	1,2	2026 - 2030
23	Bến xe khách tại Mừng Mìn	1	2026 - 2030
24	Cầu Luốc Lầu	0,02	2026 - 2030
25	Cầu dân sinh xã Mừng Mìn - huyện Quan Sơn	0,1	2026 - 2030
26	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường GT trên địa bàn xã Mừng Mìn	2	2021 - 2030
27	Đường GT từ bản Nhài xã Sơn Điện đi bản Bơn xã Mừng Mìn, huyện Quan Sơn	9,5	2026 - 2030
28	ĐườngGT trong Khu sắp xếp ổn định dân cư	1	2021 - 2030
29	Quy hoạch nhà máy nước	2	2026 - 2030
30	Thủy điện Mừng Mìn (Nhà vận hành tổ máy)	5	2026 - 2030
31	Trạm viễn thông Mừng Mìn	0,01	2026 - 2030
32	Trạm phát sóng Mừng Mìn bản yên	0,02	2026 - 2030
V	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
33	Đấu giá QSDĐ tại Bản Bơn	0,05	2021 - 2025

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Năm thực hiện
34	Đấu giá QSDĐ tại Bản Bơn	0,05	2021 - 2025
35	Quy hoạch đất ở tại Bản Bơn	1,50	2026 - 2030
36	Đấu giá QSDĐ tại Bản Mìn	0,16	2021 - 2025
37	Quy hoạch đất tại Bản Mìn	0,5	2021 - 2030
38	Quy hoạch đất ở tại Bản Yên	0,05	2021 - 2030
39	Quy hoạch đất ở tại Bản Yên	0,2	2021 - 2030
40	Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư tại Bản Yên	4	2026 - 2030
41	Đấu giá QSDĐ tại Bản Chiềng	0,14	2021 - 2025
42	Quy hoạch đất ở tại Bản Chiềng	0,03	2021 - 2030
43	Đấu giá QSDĐ tại Bản Chiềng	0,07	2021 - 2025
44	Quy hoạch đất ở tại Bản Luốc Lầu	0,18	2021 - 2025
45	Quy hoạch đất ở tại Bản Luốc Lầu	0,15	2021 - 2025
46	Quy hoạch đất ở tại Bản Luốc Lầu	0,12	2021 - 2025

Đáp ứng quan điểm và mục tiêu phát triển như trên, việc bố trí quy hoạch sử dụng đất là dựa vào lợi thế của địa phương, hiện trạng sử dụng đất và tiềm năng phát triển để xây dựng phương án tối ưu hóa, tạo lợi thế cạnh tranh. Đến năm 2030, diện tích các loại đất cụ thể như sau:

- + Đất nông nghiệp: 8589,82ha chiếm 96,29% tổng diện tích tự nhiên.
- + Đất xây dựng: 201,71ha chiếm 2,26% tổng diện tích tự nhiên.
- + Đất khác: 128,98 ha chiếm 1,45% tổng diện tích tự nhiên. Cụ thể từng loại đất thể hiện bảng sau

Diện tích, cơ cấu các loại đất đến năm 2030

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích		8920,51	100,00	8920,51	100,00	8920,51	100,00
1	Đất nông nghiệp	8524,66	95,56	8628,87	96,73	8589,82	96,29
1.1	Đất trồng lúa	115,41	1,29	113,49	1,27	112,69	1,26
1.2	Đất trồng trọt khác	104,36	1,17	108,38	1,21	91,88	1,03
1.3	Đất rừng sản xuất	5795,00	64,96	5892,61	66,06	5865,86	65,76

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	7,31	0,08	6,81	0,08	6,81	0,08
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	5,00	0,06	10,00	0,11
2	Đất xây dựng	155,84	1,75	162,66	1,82	201,71	2,26
2.1	Đất ở nông thôn	26,99	0,30	29,69	0,33	34,19	0,38
2.3	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	5,05	0,06	5,28	0,06	5,28	0,06
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,28	0,00	0,28	0,00	0,28	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,75	0,01	1,00	0,01	1,07	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,07	0,00	0,12	0,00	0,12	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	3,95	0,04	3,88	0,04	3,81	0,04
-	Đất chợ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,63	0,02	2,28	0,03	2,28	0,03
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	2,18	0,02	5,48	0,06	22,98	0,26
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	92,34	1,04	92,14	1,03	109,19	1,22
2.8.1	Đất giao thông	78,76	0,88	78,76	0,88	95,78	1,07
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	13,28	0,15	13,08	0,15	13,08	0,15
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,05	0,00	0,05	0,00	0,08	0,00
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	2,65	0,03	2,65	0,03	2,65	0,03

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	25,00	0,28	25,14	0,28	25,14	0,28
3	Đất khác	240,01	2,69	128,98	1,45	128,98	1,45
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	92,03	1,03	92,03	1,03	92,03	1,03
3.2	Đất chưa sử dụng	147,98	1,66	36,95	0,41	36,95	0,41

7. Xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

a) Các dự án phát triển nông nghiệp

- + Dự án vùng trồng cây ăn quả bản Bon.
- + Dự án trồng lúa hữu cơ bản Chiềng, bản Mìn, bản Luốc Lầu
- + Dự án xây dựng trang trại tổng hợp bản Bon
- + Dự án nuôi cá nước lạnh ở bản Yên

b) Các dự án xây dựng hạ tầng:

- + Dự án xây mới chợ Mường Mìn và khu trung tâm thương mại
- + Dự án xây dựng trụ sở công an xã tại bản Luốc Lầu
- + Dự án hỗ trợ người dân xây dựng các bể chứa nước sạch và đường dẫn
- + Dự án xây dựng nhà máy nước và hệ thống các đường ống nước
- + Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở UBND xã, hội trường, trung tâm văn hóa thể thao xã.

+ Nâng cấp, cải tạo, xây mới cơ sở vật chất hạ tầng trường học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non

- + Dự án nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa, sân thể thao các bản.
- + Dự án kiên cố hóa bai đập, kênh mương nội đồng
- + Dự án xây mới, nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn
- + Dự án nâng cấp và mua sắm các trang thiết bị cơ sở y tế xã.

c) Các dự án chỉnh trang khu dân cư

- Dự án xóa nhà tạm và cải tạo nhà ở các hộ chính sách.
- Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình vệ sinh trong khu dân cư.
- Dự án quy hoạch mới các khu dân cư ở các bản

- Dự án đào tạo nâng cao năng lực cán bộ xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Mường Mìn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Mường Mìn tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính - Kế hoạch; Nông nghiệp và PTNT; Lao động TB&XH; Văn hóa - Thông tin; Chủ tịch UBND xã Mường Mìn và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3/QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

CHỦ TỊCH

Lương Tiến Thành